

Bản án số: **116/2023/HS-PT**
Ngày 11/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Trần Minh Long**

Các Thẩm phán:

Ông **Bùi Trọng Danh**

Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

- Thư ký phiên toà: Bà **Lại Thị Thanh Huyền** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông **Lương Hồng Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 84/2023/TLPT-HS ngày 20 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo Đỗ T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Đỗ T, Nguyễn Thị L, Lê Thạch T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2023/HS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Đỗ T, sinh ngày 15/3/1997 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Thôn P, xã K, huyện H, thành phố Đà Nẵng; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông (lái xe); Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Hữu M và bà Phạm Thị H, có vợ là Trần Ngọc L và 02 con (con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 31/5/2022. Có mặt.

2. Hồ Văn T (T Tít), sinh ngày 26/7/1996 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Thôn P, xã K, huyện H, thành phố Đà Nẵng; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Văn T và bà Thi Thị H, có vợ là Phạm Thị B và 01 con sinh năm 2015; Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 02/4/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang áp dụng Bên pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng.

Nhân thân:

- Ngày 09/10/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng áp dụng Bên pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng.

- Ngày 30/6/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng áp dụng Bên pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng (Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy trong vụ án này).

Bị cáo bị bắt đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc ngày 08/7/2022, bị bắt tạm giam ngày 25/11/2022. Có mặt.

3. Nguyễn Thị L, sinh ngày 10/9/2000 tại Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; Chỗ ở trước khi bị bắt: Phòng 201 căn hộ 209 đường Y, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông (Học nghề Spa); Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị N; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 31/5/2022. Có mặt.

4. Lê Thạch T, sinh ngày 02/01/2000 tại Bình Phước; Nơi cư trú: Thôn C, xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở trước khi bị bắt: Phòng 201 căn hộ 209 đường Y, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông (bán hàng online); Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Công H (chết) và bà Phan Thị T (chết); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 31/5/2022. Có mặt.

* Trong vụ án này còn có bị cáo Phạm Thị V nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn Bền tại phiên tòa, sơ thẩm và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 30/5/2022, B (*Bạn của Đỗ T, không rõ lai lịch, địa chỉ*) rủ Đỗ T đến quán Bar T trên đường 2/9, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng để nghe nhạc, sử dụng ma túy thì T đồng ý và điện thoại rủ thêm Hồ Văn T, Nguyễn Thị L cùng tham gia. L điện thoại rủ Lê Thạch T, T điện thoại rủ Phạm Thị V rồi cả nhóm cùng đến quán Bar T. Tại đây, cả nhóm cùng sử dụng trái phép ma túy thuốc lắc và ma túy Ketamine (*Ma túy do B cung cấp*). Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 31/5/2022, B và 03 người bạn của B (*đều không rõ lai lịch, địa chỉ*) đi về trước còn T và T thanh toán tiền. Lúc này, thấy ma túy Ketamine còn dư trên bàn nên T cất giấu vào trong túi quần, T rủ những người còn lại thuê phòng karaoke tại T để tiếp tục sử dụng nhưng T không đồng ý nên cả nhóm thống nhất

về phòng 201 căn hộ số 209 đường Y, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng (do L và T thuê để ở) để tiếp tục sử dụng ma túy. Sau đó, T, L, T, V cùng về phòng 201 còn T về nhà lấy thêm tiền. T điện thoại nói T thuê loa, đèn để tiếp tục sử dụng ma túy, sau khi lấy tiền T sẽ quay lại phòng 201 như đã hẹn. Khi đến phòng 201 căn hộ 209 Y, T bỏ gói ma túy Ketamine trong túi quần ra, L lấy 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ nhựa màu cam có chữ Hermes Pari, T lấy 01 tờ tiền Polime mệnh giá 200.000đ cùng để xuống thảm trên nền nhà, V lấy ma túy Ketamine đổ ra đĩa sứ màu trắng, dùng thẻ nhựa màu cam nghiền nhỏ, chia ma túy T nhiều đường thẳng rồi cuộn tròn tờ tiền Polime mệnh giá 200.000đ làm ống hút để cả nhóm cùng nhau sử dụng. Sau khi sử dụng, T, L, T nghe nhạc còn T và V đi ra ngoài. Một lúc sau, Lâm T Phong đến chơi và thấy ma túy có sẵn trên đĩa nên tự ý sử dụng. Sau đó T, V quay lại phòng 201 và tiếp tục nghe nhạc cùng cả nhóm. Đến khoảng 07 giờ 15 phút cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Tang vật thu giữ:

- 01 thẻ nhựa màu cam có chữ Hermes Pari kích thước khoảng (5x8)cm có bám dính chất bột màu trắng. Đã niêm phong, ký hiệu A.
- 01 gói nilong màu trắng kích thước khoảng (7x10,5)cm bên trong có bám chất dung dịch trong suốt. Đã niêm phong, ký hiệu B.
- 01 gói nilong màu trắng kích thước khoảng (4x7,5)cm bên trong chứa tinh thể màu trắng. Đã niêm phong, ký hiệu C.
- 01 tờ tiền Polime mệnh giá 200.000đ có bám dính chất bột màu trắng. Đã niêm phong, ký hiệu D.
- 01 đĩa sứ màu trắng bên trên có bám dính chất bột màu trắng. Đã niêm phong, ký hiệu E.
- 01 loa có chữ Hammar/Kardon và 01 đèn màu đen.
- 01 ĐTDĐ Samsung màu đen gắn sim 1: 0934595752, sim 2: 0905353258, số imei: 359116086580355 của Đỗ T.
- 01 ĐTDĐ Iphone màu vàng gắn sim: 0935044752, số imei: 356564085031594 của Lê Thạch T.
- 01 ĐTDĐ màu xanh gắn sim: 0794666621, số imei: 352806846503922 của Nguyễn Thị L.

Tại bản kết luận giám định số 104/GĐ-MT ngày 07/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, kết luận:

- Trên thẻ màu cam, tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, đĩa sứ màu trắng các gói niêm phong ký hiệu A, D, E gửi giám định đều có bám dính ma túy, loại Ketamine;

- Gói nilon trong gói niêm phong ký hiệu B gửi giám định có tám dính ma túy, loại MDMA;

- Tinh thể màu trắng tám dính trong gói nilon trong gói niêm phong ký hiệu C gửi giám định là ma túy, loại MDMA, không xác định được khối lượng mẫu C.

Tại Bản án sơ thẩm số 33/2023/HS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ T, Hồ Văn T, Nguyễn Thị L, Lê Thạch T, Phạm Thị V phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”

- Căn cứ vào: điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Đỗ T 08 (tám) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 31/5/2022.

- Căn cứ vào: điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Hồ Văn T 08 (tám) năm tù, được trừ đi thời gian đã chấp hành Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ ngày 08/7/2022 đến ngày 24/11/2022 là 140 ngày quy đổi T 03 tháng 04 ngày tù. Còn lại buộc bị cáo phải chấp hành là 07 (bảy) năm 08 (tám) tháng 26 (hai mươi sáu) ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/11/2022.

- Căn cứ vào: điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Nguyễn Thị L 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 31/5/2022.

- Căn cứ vào: điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Lê Thạch T 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 31/5/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần tội danh và hình phạt của bị cáo Phạm Thị V (04 năm tù), phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 22/3/2023, các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Thạch T; ngày 26/3/2023 bị cáo Đỗ T có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Hồ Văn T và Phạm Thị V không kháng cáo.

Ngày 29/3/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-NHS đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2023/HSST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Nội dung kháng nghị như sau: Kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Hồ Văn T; đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng: không trừ thời gian đã chấp hành Biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với bị cáo Hồ Văn T là 03 tháng 04 ngày tù. Giữ nguyên hình phạt 08 (tám) năm tù đối với bị cáo Hồ Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- *Về thủ tục*: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Thạch T, Đỗ T và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu theo đúng thủ tục và trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên đảm bảo hợp lệ.

- *Về nội dung*: Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2023/HS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo Đỗ T, Hồ Văn T, Nguyễn Thị L, Lê Thạch T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự theo các tình tiết định khung “Đối với 2 người trở lên” và “Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi”; riêng Phạm Thị V về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

+ Tuy nhiên, việc bản án sơ thẩm trừ thời gian đã chấp hành Biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với bị cáo Hồ Văn T 03 tháng 04 ngày tù vào thời gian chấp hành hình phạt 8 năm tù của bản án này là không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, sửa bản án sơ thẩm về phần này theo hướng: không trừ thời gian đã chấp hành Biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với bị cáo Hồ Văn T là 03 tháng 04 ngày tù vào thời gian chấp hành hình phạt tù của bản án này.

+ Xét đơn kháng cáo của các bị cáo Đỗ T, Nguyễn Thị L, Lê Thạch T: Mức hình phạt 08 năm tù đối với bị cáo T, 07 năm tù đối với các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Thạch T là phù hợp, không nặng; các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Các bị cáo T, L và T thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là đúng; giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, xin HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Hồ Văn T đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đỗ T, Hồ Văn T, Nguyễn Thị L, Lê Thạch T khai nhận: Khoảng 02 giờ 15 phút ngày 31/5/2022 sau khi cùng đi chơi, sử dụng ma túy tại quán Bar T; Đỗ T, Hồ Văn T, Nguyễn Thị L, Lê Thạch T,

Phạm Thị V thống nhất tiếp tục sử dụng ma túy cùng nhau tại nơi ở của Nguyễn Thị L và Lê Thạch T là phòng 201 căn hộ số 209 đường Y (phường B, quận H, T phố Đà Nẵng). Tại đây, Đỗ T cung cấp ma túy Ketamine và thuê loa, đèn; L cung cấp 01 đĩa sứ màu trắng; T cung cấp 01 thẻ nhựa màu cam có chữ Hermes Paris; Hồ Văn T rủ thêm Phạm Thị V và cung cấp 01 tờ tiền Polime mệnh giá 200.000đ (để V làm dụng cụ sử dụng ma túy); Phạm Thị V dùng thẻ nhựa màu cam do T cung cấp để chia ma túy Ketamine T nhiều đường thẳng và cuộn tròn tờ tiền Polime mệnh giá 200.000đ làm ống hút để cùng nhau tổ chức sử dụng ma túy (tại thời điểm phạm tội V mới 17 tuổi 10 tháng 24 ngày) và đối tượng Lâm T Phong cùng sử dụng trái phép chất ma túy; đến 07 giờ 15 phút cùng ngày thì bị Cơ quan chức năng phát hiện bắt quả tang.

Với hành vi trên, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo Đỗ T, Hồ Văn T, Nguyễn Thị L, Lê Thạch T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự theo các tình tiết định khung “Đối với 2 người trở lên” và “Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi”; riêng Phạm Thị V về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù, cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo, và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết.

[3] Xét đơn kháng cáo của các bị cáo Đỗ T, Nguyễn Thị L, Lê Thạch T, HĐXX nhận thấy: Trong vụ án này, bị cáo Đỗ T là người khởi xướng việc phạm tội, rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác nên giữ vai trò chính và chịu hình phạt cao nhất, bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T; riêng đối với các bị cáo L và T phạm tội với vai trò là người đồng phạm, nghe theo sự sắp xếp của các bị cáo T và T, cung cấp địa điểm là phòng trọ của mình và công cụ phương tiện là thẻ đĩa sứ, thẻ nhựa để cùng thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, xét vai trò phạm tội là thứ yếu, không đáng kể; quá trình tố tụng ở các cấp sơ phúc thẩm các bị cáo đã thật sự T khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải; các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, là phụ nữ tuổi đời còn quá trẻ, phạm tội do ăn chơi đua đòi và bị lôi kéo; bị cáo L cha mẹ già yếu, bị cáo Tcha mẹ đều đã mất vì bạo bệnh, nên HĐXX thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo L và T, áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo này.

Riêng bị cáo Hồ Văn T và Phạm Thị V không có kháng cáo nên HĐXX không xem xét.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, HĐXX nhận thấy: Ngày 31/5/2022 bị cáo Hồ Văn T cùng với các bị cáo Đỗ T, Nguyễn Thị L, Lê Thạch T, Phạm Thị V có hành vi tổ chức cho nhau và tổ chức cho Lâm T Phong sử dụng trái phép chất ma túy tại địa chỉ phòng 201 căn hộ số 209 đường Y (phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng thì bị bắt quả tang; kết quả test ma túy các bị cáo này cùng với Lâm T Phong đều dương tính với chất ma túy, nên cơ quan điều tra đã tiến hành xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với các đối tượng T, L, T, V và Phong. Riêng Hồ Văn T là đối tượng nghiện ma túy, đã nhiều lần bị tập trung cai nghiện, nên cơ quan điều tra Công an quận Hải Châu chuyển hồ cho các cơ quan chức năng nơi bị cáo cư trú là huyện Hòa Vang để xử lý hành chính theo thẩm quyền; ngày 30/6/2022 Hồ Văn T đã bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng áp dụng Bện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng (Quyết định số 09 ngày 30/6/2022), quyết định này không bị khiếu nại hay kiến nghị nên đã có hiệu lực thi hành, Hồ Văn T đã chấp hành quyết định này từ ngày 08/7/2022 đến ngày 24/11/2022; ngày 25/11/2022 Cơ quan điều tra Công an quận Hải Châu thực hiện việc bắt tạm giam bị can T theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 27 ngày 21/11/2022 (được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn ngày 24/11/2022) để điều tra về hành vi phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” trong vụ án này, cùng ngày 25/11/2022 Cơ sở xã hội Bầu Bàng thuộc Sở lao động thương Binh xã hội TP Đà Nẵng đã có Quyết định số 496 tạm đình chỉ thi hành Quyết định áp dụng Bện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 09 ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng. Tuy nhiên, khi xét xử sơ thẩm vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không/chưa yêu cầu hủy Quyết định áp dụng Bện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 09 ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng, nhưng tại phần Quyết định của Bản án sơ thẩm số 33/2023/HS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng lại khấu trừ thời gian bị cáo T chấp hành Bện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ ngày 08/7/2022 đến ngày 24/11/2022 là 140 ngày quy đổi T 03 tháng 04 ngày tù vào thời gian chấp hành hình phạt 8 năm tù của bị cáo T tại Bản án này là không đúng quy định của pháp luật hình sự, không phù hợp với Điều 116, 117 Luật xử lý vi phạm hành chính. Do vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận, sửa Bản án sơ thẩm về phần này.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do không được chấp nhận kháng cáo, nên bị cáo Đỗ T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Thạch T, Hồ Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ: điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ T; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Thạch T; giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo T; sửa một phần bản án sơ thẩm giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo L và T.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần khấu trừ thời gian đã chấp hành Bện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với bị cáo Hồ Văn T.

1.1. Căn cứ: điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt: **Đỗ T 08 (tám) năm** tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, 31/5/2022.

1.2. Căn cứ: điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Xử phạt: **Hồ Văn T 08 (tám) năm** tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, 25/11/2022.

1.3. Căn cứ: điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự; Xử phạt: **Nguyễn Thị L 06 năm 03 tháng** tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, 31/5/2022.

1.4. Căn cứ: điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt: **Lê Thạch T 06 năm 06 tháng** tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, 31/5/2022.

II. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đỗ T, phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Thạch T, Hồ Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

III. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA TP Đà Nẵng;
- CQ THAHS – CA quận Hải Châu;
- VKSND quận Hải Châu;
- CQCSĐT Công an quận Hải Châu;
- Tòa án nhân dân quận Hải Châu;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Trại giam Hòa Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Trần Minh Long

